

Số: 29/2026/QĐST-HNGĐ

Hung Yên, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 113/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025 về Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1973, Căn cước công dân số 034173003595, cấp ngày 25/5/2023 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1974, Căn cước công dân số 034074023253, cấp ngày 14/8/2021 tại Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quĩ Tín dụng nhân dân Vũ L; địa chỉ: Xã T, tỉnh Hưng Yên - Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Lê Văn T được quyền sử dụng thửa đất số 14, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên) có tứ cận cụ thể như sau: Phía Nam giáp thửa đất số 13 được giới hạn từ điểm 01 đến điểm 02 có số đo 11,82 mét; phía Tây giáp thửa đất số 10 và thửa đất số 11, được giới hạn

từ điểm số 02 đến điểm số 07 có các số đo 4,05 mét + 4,63 mét + 3,11 mét + 3,52 mét + 12,97 mét; phía Bắc giáp đường giao thông, được giới hạn từ điểm số 07 đến điểm số 08 có số đo 8,17 mét; phía Đông giáp thửa đất số 15 và thửa đất số 16, được giới hạn từ điểm số 08 đến điểm số 01, có các số đo 15,34 mét + 1,21 mét + 1,42 mét + 8,99 mét (có sơ đồ kèm theo), thửa đất có giá trị: 586.114.800 đồng và anh Lê Văn T được sở hữu tài sản làm trên thửa đất số 14, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên), gồm: 01 nhà mái bằng 02 tầng diện tích 60,6 m² trị giá: 26.051.822 đồng, sân gạch đỏ 55 m² trị giá: 2.164.500 đồng, sân bê tông 67,3 m² trị giá: 2.624.700 đồng, nhà mái tôn khung thép 76,8 m² trị giá: 8.625.896 đồng và tường bao 15,34 mét trị giá: 4.649.343 đồng. Tổng giá trị tài sản là 630.231.061 đồng. Anh Lê Văn T có nghĩa vụ đến các cơ quan có thẩm quyền liên hệ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên mình.

- Anh Lê Văn T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Phạm Thị Thu H số tiền 500.000.000 đồng.

- Chị Phạm Thị Thu H được sở hữu số tiền 500.000.000 đồng mà anh Lê Văn Thanh thanh T2 chênh lệch tài sản. Chị Phạm Thị Thu H đã nhận đủ 500.000.000 đồng vào ngày 16/3/2026 do anh Lê Văn Thanh thanh T2 chênh lệch tài sản cho chị Phạm Thị Thu H.

- Quỹ tín dụng nhân dân Vũ L có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Văn T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 595166, sổ vào sổ cấp GCN: CS 015647, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 11/4/2019, mang tên ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Thu H.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H phải chịu 12.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chuyển số tiền 12.000.000 đồng chị Phạm Thị Thu H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002514 ngày 23/10/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền án phí (chị Phạm Thị Thu H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm); số tiền còn lại 4.000.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002514 ngày 23/10/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Hưng Yên được trả lại cho chị Phạm Thị Thu H. Bị đơn anh Lê Văn T phải chịu 3.255.777 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Xuân Bằng